

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm /Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Thị Thắng	Tiến sĩ	0936755866	nguyenthithang@cdspacebacninh.edu.vn	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	VPK TH - MN
2	Nguyễn Thị Thiêm	Thạc sĩ	0976867170	thiemvanth@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	VPK TH - MN
3	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sĩ	0964989968	nguyetvan81.cdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	VPK TH - MN
4	Vương Hồng Nhung	Thạc sĩ	0983779359	vuongnhungcdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	VPK TH - MN
5	Phùng Thị Hiền	Thạc sĩ	0902671186	phunghiencdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	VPK TH - MN
6	Ngô Thị Lanh	Thạc sĩ	0983359938	Ngolanh2210.cdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	VPK TH - MN
7	Trần Thúy Hằng	Thạc sĩ	0986548590	thuyhanggvcdsp@gmail.com	Phòng Đào tạo	Tầng 1 nhà D

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: VĂN HỌC
- Mã học phần: VA.MN.CS.02
- Số tín chỉ: 02
- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non(K43) Bậc đào tạo: Cao đẳng Hình thức đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 Tổng số giờ học phần: 100
 + Lên lớp: 20
 + Thực hành: 20
 + Sinh viên tự học: 60
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Văn – THMN

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Học phần cung cấp cho sinh viên:

- Kiến thức cơ bản về lí luận văn học liên quan trực tiếp đến các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non.
- Kiến thức cơ bản về văn học dân gian Việt Nam: định nghĩa, đặc trưng cơ bản của văn học dân gian; truyện dân gian; các thể loại văn vần dân gian.
- Kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi, hiểu biết về những đặc điểm nội dung, nghệ thuật thơ, truyện viết cho thiếu nhi, tiêu biểu là một số tác giả như Định Hải, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa, Võ Quảng...
- Kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi nước ngoài, hiểu biết về những đặc điểm, nội dung thơ, truyện viết cho thiếu nhi, tiêu biểu một số tác giả như: Anđécxen, Grim, La Phong ten, L. Tônxtôi, ...
- Kiến thức liên quan đến việc sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non.

3.2. Kỹ năng

Học phần giúp sinh viên:

- Kỹ năng xác định đề tài, chủ đề, nhân vật... trong các tác phẩm văn học.

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát về chủ đề, nhân vật, đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ mầm non.
- Rèn kỹ năng phân tích, đánh giá, cảm thụ về truyện dân gian, văn vần dân gian trong chương trình mầm non.
- Rèn khả năng khái quát, phân tích, tổng hợp, đánh giá các hiện tượng văn học thiếu nhi và nước ngoài trong chương trình mầm non.
- Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng sưu tầm, biên soạn và sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm; Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ bạn bè cùng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

NL2: Trách nhiệm công dân: Thực hiện đúng nội quy, quy định của trường, lớp, quy định của học phần.

NL3: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề, rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; Hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

KT 1: Hiểu biết cơ bản về lí luận văn học (nhân vật văn học, đề tài, chủ đề, kết cấu, cốt truyện; đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ mầm non...) làm nền tảng tìm hiểu các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non. (KTĐC3)

KT 2: Hiểu và nắm được những kiến thức về văn học dân gian Việt Nam (định nghĩa, đặc trưng cơ bản của văn học dân gian; truyện dân gian, các thể loại văn vần dân gian). (KTĐC3)

KT 3: Hiểu và phân tích được khái niệm, những đặc điểm nội dung, nghệ thuật thơ, truyện viết cho thiếu nhi, tiêu biểu là một số tác giả như Định Hải, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa, Võ Quảng.... (KTĐC3)

KT 4: Hiểu và nắm được những kiến thức về văn học thiếu nhi nước ngoài như: đặc điểm, nội dung thơ, truyện viết cho thiếu nhi, tiêu biểu một số tác giả như: Anđécxen, Grim, La Phông ten, L. Tônxtôi, ... (KTĐC3)

KT 5: Hiểu biết về cách thức sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non(nội dung gắn với chương trình mầm non hiện hành). (KTCN1).

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

KNC1: Sinh viên có kỹ năng xác định đề tài, chủ đề, nhân vật, ... trong các tác phẩm văn học. (KTĐC3)

KNC2: Sinh viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát về chủ đề, nhân vật, đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ mầm non. (KTĐC3)

KNC 3: Rèn kỹ năng phân tích, đánh giá, cảm thụ về truyện dân gian, văn vần dân gian trong chương trình mầm non cho sinh viên. (KTĐC3)

KNC 4: Rèn khả năng khái quát, phân tích, tổng hợp, đánh giá các hiện tượng văn học thiếu nhi và nước ngoài trong chương trình mầm non. (KNC1)

KNC 5: Hình thành và phát triển kỹ năng sưu tầm, biên soạn và sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non. (KNC1)

KNC 6: Có năng lực phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học. (KTĐC3)

4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

KNM1: Sáng tác, biên soạn, sưu tầm các bài hát, bài thơ, câu chuyện phù hợp với hoạt động giáo dục trẻ. (KNM9)

KNM 2: Hợp tác, giao tiếp, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng. (KNM1).

KNM 3: Có khả năng tiếp cận và ứng dụng các phương pháp giáo dục mới, hiện đại vào thực tiễn giáo dục trẻ. (KNM10)

KNM 4: Tự học, tự nghiên cứu. (KNM12)

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm; Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ bạn bè cùng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

NL2: Trách nhiệm công dân: Thực hiện đúng nội quy, quy định của trường, lớp, quy định của học phần.

NL3: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề, rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; Hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo.

5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức					Kỹ năng								Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm					
							KNC						KNM		NL1	NL2	NL3			
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4				
Chương I Những vấn đề chung về thơ văn viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non	<i>I. Một số vấn đề thường thức về lí luận văn học</i>	x					x	x	x				x		x	x	x	x	x	x
	<i>II. Đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non</i>	x					x	x					x		x	x	x	x	x	x
	<i>III. Vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ</i>	x					x	x		x			x		x	x	x	x	x	x
	<i>IV. Đặc điểm tâm lí và việc cảm thụ văn học của trẻ em lứa tuổi mầm non</i>	x					x	x		x			x		x	xx		x	x	x
	<i>Thực hành chương I</i>						x	x	x	x			x		x	x	x	x	x	x

soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non																			
<i>II. Hướng dẫn sinh viên sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non</i>	x	x			x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<i>Thực hành chương IV</i>		x				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Các yêu cầu của học phần

- Yêu cầu đối với sinh viên:

- + Dự lớp ít nhất 80% số giờ trên lớp
- + Làm đầy đủ các bài kiểm tra học phần theo quy định.
- + Đọc, nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- + Chuẩn bị các bài thảo luận, thực hành, sưu tầm các tư liệu liên quan đến bài học....

- Yêu cầu đối với giảng viên:

- + Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài dạy, đề cương chi tiết học phần, phương tiện đồ dùng dạy học.
- + Đọc, nghiên cứu bài dạy, giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- + Dạy theo đúng tiến độ chương trình.
- + Giao đề cương chi tiết học phần cho sinh viên trước khi dạy.

7. Cấu trúc, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lý thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
	CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THƠ VĂN VIẾT CHO TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON		(4)	(3)	(11)
1	I. Một số vấn đề thường thức về lí luận	Phương pháp	2		

	văn học 1. Đặc trưng của ngôn ngữ văn học	thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận			
2	2. Tác phẩm văn học				
3	II. Đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1. Sự hồn nhiên, ngây thơ 2. Ngắn gọn, rõ ràng 3. Giàu hình ảnh, vần điệu, nhạc điệu 4. Ngôn ngữ chọn lọc, trong sáng, dễ hiểu 5. Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện 6. Ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng mà sâu sắc		1		
4	III. Vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ 1. Giáo dục thẩm mỹ 2. Giáo dục lòng nhân ái 3. Giáo dục trí tuệ 4. Phát triển ngôn ngữ IV. Đặc điểm tâm lí và việc cảm thụ văn học của trẻ em lứa tuổi mầm non 1. Trẻ em lứa tuổi mầm non giàu cảm xúc và tình cảm 2. Trí tưởng tượng phong phú, bay bổng 3. Tư duy hình tượng, trực quan		1		
5	THỰC HÀNH	Phương pháp		3	

6	<p>1. GV yêu cầu SV xác định đề tài, chủ đề, sơ đồ hóa cốt truyện, xác định nhân vật trong 1 tác phẩm tự chọn.</p> <p>2. Phân tích nội dung, nhân vật trong 1 tác phẩm tự chọn</p>	thuyết trình, đàm thoại, thực hành, thảo luận			
7	<p>3. Phân tích các tác phẩm thơ, truyện trong Chương trình mầm non để làm nổi bật đặc điểm thơ truyện sáng tác cho trẻ mầm non.</p> <p>GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 4 – 6 nhóm) giao nhiệm vụ.</p> <p>- Các nhóm chuẩn bị trong một khoảng thời gian nhất định, cử đại diện nhóm trình bày</p>				11
	<p>TỰ HỌC CỦA SV</p> <p>1.SV đọc Giáo trình [1] tr. 104 – 138 trả lời các câu hỏi và bài tập trang 137</p> <p>2. SV đọc Tài liệu [3], [4] thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV</p> <p>3. Thực hiện các nhiệm vụ tự học khác theo yêu cầu</p>				
	CHƯƠNG II: VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM		(5)	(6)	(16)
8	<p>I. Khái quát về văn học dân gian</p> <p>1. Định nghĩa văn học dân gian</p> <p>2. Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian</p> <p>3. Hệ thống thể loại của văn học dân gian</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại,	1		

	Việt Nam 4. Những giá trị cơ bản của văn học dân gian	thảo luận nhóm.			
9	II. Truyện dân gian 1. Định nghĩa và phân biệt các loại truyện dân gian		2		
10	2. Những giá trị cơ bản của truyện dân gian đối với sự phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non.				
11	THỰC HÀNH	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành, thảo luận		3	
12	- Phân tích một số truyện dân gian trong				
13	Chương trình mầm non. - GV viên lựa chọn truyện và giao nhiệm vụ cho sinh viên - Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.				
14	III. Các thể loại văn vần dân gian 1. Khái niệm, phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa các thể loại văn vần dân gian	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.	2		
15	2. Giá trị của các loại văn vần dân gian đối với trẻ em lứa tuổi mầm non				
16	THỰC HÀNH	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành, thảo luận		3	
17	- Phân tích một số bài văn vần dân gian trong chương trình mầm non.				
18	- Hướng dẫn sinh viên thiết kế Góc Văn học dân gian hoặc tổ chức Câu lạc bộ hát				

	dân ca quan họ - GV viên lựa chọn truyện và giao nhiệm vụ cho sinh viên - Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.				
	TỰ HỌC CỦA SV 1. SV nghiên cứu Giáo trình [1] tr. 139 – 154 trả lời các câu hỏi và bài tập từ tr.152 -153. 2. Tham khảo các Tài liệu [5], [6], [7] nội dung văn học dân gian và các tác phẩm văn học dân gian trong Chương trình Mầm non hiện hành. 3. Thực hiện các nhiệm vụ tự học khác theo yêu cầu của GV.				16
	CHƯƠNG III: VĂN HỌC THIẾU NHI		(8)	(7)	(23)
19	I. Khái quát về văn học thiếu nhi Việt Nam 1. Khái niệm văn học thiếu nhi 2. Đặc điểm phát triển và thành tựu qua các thời kì 3. Văn học thiếu nhi trong chương trình mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.	1		
20	II. Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm văn học thiếu nhi Việt Nam 1. Định Hải và sáng tác dành cho thiếu nhi		4		
21	2. Phạm Hồ và thơ văn viết cho thiếu nhi				

22	3. Trần Đăng Khoa và thơ viết cho thiếu nh				
23	4. Võ Quảng và sáng tác dành cho thiếu nhi				
24	III. Văn học thiếu nhi nước ngoài trong chương trình mầm non 1. Khái quát đặc điểm nội dung chương trình 2. Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu		3		
25	2. Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu				
26	2. Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu				
27	THỰC HÀNH - SV phân tích một số tác phẩm (hoặc đoạn trích) văn học thiếu nhi trong chương trình mầm non. + SV thực hành phân tích một số tác phẩm của tác giả Định Hải, Võ Quảng, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa (GV viên lựa chọn văn bản và giao nhiệm vụ cho sinh viên) Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.		7	
28	THỰC TẾ TẠI TRƯỜNG MẦM NON	Phương pháp trực quan, thảo luận			
29	- Sinh viên đi thực tế tại trường mầm non trên địa bàn tỉnh				
30	- Dự giờ hoạt động cho trẻ làm quen với				

	<p>thơ</p> <p>- Dự giờ hoạt động cho trẻ làm quen với truyện</p> <p>- Làm bài thu hoạch và báo cáo</p>				
31	<p>THỰC HÀNH</p> <p>+ SV thực hành phân tích một số tác phẩm của tác giả Anđecxen, Grim, La Phông- ten LepTônxtoi (GV viên lựa chọn văn bản và giao nhiệm vụ cho sinh viên)</p> <p>Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành, thảo luận</p>			
32	<p>THỰC HÀNH</p> <p>Thực hành phân tích các tác phẩm của các tác giả quen thuộc khác trong Chương trình mầm non hiện hành.</p> <p>Thực hành phân tích một số một số tác phẩm thơ, truyện thuộc chủ đề Giao thông; khai thác chủ đề: Bé với an toàn giao thông</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành, thảo luận</p>			
33					
	<p>TỰ HỌC CỦA SV</p> <p>1. Tìm hiểu các tác giả, tác phẩm trong Chương trình mầm non hiện hành.</p> <p>2. Đọc Giáo trình [2] tr.155 -196, trả lời các câu hỏi và bài tập trang.193 -194.</p> <p>3. Đọc tài liệu [3], [4] tham khảo trả lời</p>				

	<p>cho các câu hỏi và bài tập trong Giáo trình [1].</p> <p>4. Đọc tài liệu [5] tr.163 -209, trả lời các câu hỏi và bài tập trang 209-214.</p> <p>5. Tìm hiểu các tác phẩm văn học thiếu nhi trong các tài liệu [6], [7] phục vụ cho các nhiệm vụ học tập.</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ tự học khác theo yêu cầu của GV.</p>				23
34	<p>KIỂM TRA ĐỊNH KÌ</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức, kỹ năng nằm trong nội dung chương đã học.</p> <p>+ Đánh giá khả năng tiếp thu, ý thức, thái độ trong quá trình học tập nội dung học phần của sinh viên, điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học (nếu cần thiết)</p> <p>- Nội dung: Các kiến thức, kỹ năng trong chương trình đã học.</p> <p>- Hình thức: Tự luận (viết)</p>		1		2
	<p>CHƯƠNG IV: HƯỚNG DẪN SINH VIÊN SƯU TẦM, BIÊN SOẠN, SÁNG TÁC THƠ VĂN CHO TRẺ MẦM NON</p>		(2)	(4)	(8)
35	<p>I. Hướng dẫn sinh viên sưu tầm, biên soạn tác phẩm thơ văn cho trẻ mầm non</p> <p>1. Hướng dẫn sinh viên sưu tầm</p> <p>2. Hướng dẫn sinh viên biên soạn tác</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.</p>	2		

	phẩm thơ văn				
36	II. Hướng dẫn sinh viên sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non 1. Chuẩn bị 2. Viết tác phẩm thơ văn cho trẻ mầm non 3. Chỉnh sửa và hoàn thiện tác phẩm				
37	THỰC HÀNH	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành, thảo luận	4		8
38	- Thực hành sáng tác, sưu tầm các bài thơ, truyện thuộc chủ đề giao thông; giáo dục an toàn giao thông cho trẻ MN (khai thác chủ đề: Bé với an toàn giao thông) - SV thực hành sưu tầm, biên soạn những tác phẩm cho trẻ mầm non - Trình bày bài làm trước lớp hoặc theo yêu cầu của GV bộ môn				
39	THỰC HÀNH				
40	- SV thực hành sáng tác thơ văn viết cho trẻ mầm non - Trình bày bài làm trước lớp hoặc theo yêu cầu của GV bộ môn				
	TỰ HỌC CỦA SV 1. SV sưu tầm, biên soạn: văn vần dân gian, truyện dân gian và các tác phẩm văn học thiếu nhi hiện đại: 2. Tham khảo các Tài liệu [3], [4], [5], [6], [7] hoặc các trang web http://thuchanhsupham.dnpu.edu.vn				

	http://thcshovanlong.hcm.edu.vn 3. SV tập sáng tác thơ, truyện cho trẻ mầm non theo nhiệm vụ tự học GV giao				
--	--	--	--	--	--

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Huệ, Ngô Thị Lanh, Nguyễn Thị Thắng, Nguyễn Thị Thiêm (2016), Một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, *Tiếng Việt, Văn học, Phương pháp làm quen với văn học, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[2]. Tô Văn, khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh, 2022, Đề cương bài giảng học phần Văn học.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Lã Thị Bắc Lý (2013), Giáo trình *Văn học trẻ em*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4]. Lã Thị Bắc Lý (2012), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[5]. Trần Thúy Hằng, Vương Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thắng, Nguyễn Thị Thương (2016), Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ Cao đẳng, ngành Giáo dục Tiểu học, *Văn học, Tiếng Việt thực hành*, NXB giáo dục Việt Nam.

[6]. Lê Thu Hương (chủ biên), Phan Thị Ngọc Anh, Lương Thị Bình (2020), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố* (theo chủ đề, dành cho trẻ các lứa tuổi từ 1 – 6 tuổi), Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[7]. Thúy Quỳnh, Phương Thảo (2015), *Tuyển tập thơ ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non, theo chủ đề*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non*, Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT.

9. Phương thức kiểm tra, đánh giá điểm học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm.

- Kiểm tra định kì hệ số 2: 1 điểm

* Thi kết thúc học phần (Trọng số 0.6):

- Hình thức thi: Viết
- Thời gian: 60 phút

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023
TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Vương Hồng Nhung

PHỤ LỤC 1
MA TRẬN LIÊN KẾT MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
3. Mã ngành: 51140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Học phần: Văn học

Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên):.....

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong Học phần
1. Phẩm chất	1.1. Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	x
		1.1.2	x
		1.1.3	x
		1.1.4	x
	1.2. Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3. Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4. Trung thực	1.4.1	x
		1.4.2	x
		1.4.3	x
	1.5. Trách nhiệm	1.5.1	x

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong Học phần
3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x
		3.1.2	x
		3.1.3	x
		3.1.4	x
		3.1.5	x
		3.1.6	x
		3.1.7	x
		3.1.8	x
		3.1.9	x
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	x
		3.2.2	x
		3.2.3	x
		3.2.4	x
		3.2.5	x

		1.5.2	x
		1.5.3	x
		1.5.4	x
		1.5.5	x
	1.6.Tự học	1.6.1	x
		1.6.2	x
		1.6.3	x
2. Năng lực chung	2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	x
		2.1.2	x
		2.1.3	x
		2.1.4	x
		2.1.5	x
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	x
		2.2.2	x
		2.2.3	x
		2.2.4	x
		2.2.5	x
		2.2.6	x
		2.2.7	x
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	
		2.3.2	x
2.3.3		x	
2.4.Năng lực giải	2.4.1	x	

		3.2.6	x	
		3.2.7	x	
	3.3.Năng lực định hướng	3.3.1	x	
		3.3.2	x	
		3.3.3	x	
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	x	
		3.4.2	x	
		3.4.3	x	
	3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	x	
		3.5.2	x	
		3.5.3	x	
		3.5.4	x	
	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x	
		4.1.2	x	
		4.1.3	x	
		4.1.4	x	
	4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	x	
		4.2.2	x	
		4.2.3	x	
	4. Năng lực nghề nghiệp	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng	4.3.1	x
			4.3.2	x
			4.3.3	x
4.3.4			x	

	quyết vấn đề	2.4.2	x
		2.4.3	
		2.4.4	
		2.4.5	
		2.4.6	x
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x
		2.5.2	x
		2.5.3	x
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1	x
		2.6.2	x
		2.6.3	x

	quá và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.5	x
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x
		4.4.2	x
		4.4.3	x
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	x
		4.5.2	x
	4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.3	x
		4.6.1	x
		4.6.2	x
		4.6.3	x

